

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ VÀ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỶ HỌC HOÀ NHẬP TIỂU HỌC

Nguyễn Văn Hưng - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Ngày nhận bài: 16/8/2019; ngày chỉnh sửa: 20/9/2019; ngày duyệt đăng: 28/9/2019.

Abstracts: Educating life skills for students with intellectual disabilities and autism spectrum disorders is necessary issues of Vietnamese education in general and special education for children with disabilities in particular. The article introduces 5 measures to educate life skills: - Integrating in teaching content; - Modeling; - Using social stories; - Breaking down tasks; - Educating life skills through practical situations. These measures help teachers who implement inclusive education in elementary schools have awareness, attitudes and skills to implement effectively education measures of life skills for students with intellectual disabilities and autism spectrum disorders effectively. Thereby, students with intellectual disabilities and autism spectrum disorders acquire life skills to be able to live independently and integrate with the social community.

Keywords: Life skill, intellectual disability, autism spectrum, inclusive education, primary school.

1. Mở đầu

Học sinh (HS) khuyết tật trí tuệ (KTTT) và rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK) đều thuộc nhóm rối loạn phát triển với 2 đặc trưng cơ bản: - Hạn chế về các kỹ năng sống; - Hạn chế về nhận thức kéo dài trong suốt quá trình phát triển. Các em khó có thể tự thực hiện được một số kỹ năng sống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày, chẳng hạn: những kỹ năng làm quen với các bạn đồng trang lứa, kỹ năng giải quyết vấn đề... Vì vậy, nhóm HS này thường không thành công trong học tập và gặp nhiều khó khăn khi hòa nhập với cộng đồng. Kỹ năng sống (KNS) không chỉ giúp con người tồn tại mà còn giúp họ biết bảo vệ chính mình để có cuộc sống an toàn trong tương lai, định hướng phù hợp cho hạnh phúc của chính mình... Các KNS sẽ được hình thành dần dần, nhưng cũng có nhiều KNS có thể được học tự phát. Hơn nữa, các KNS không phải dễ dàng học và rèn luyện được ngay, một số HS phải dạy đi dạy lại, phải rèn luyện kỹ năng nhiều lần; một số HS khác lại có thể có những KNS tốt trong lĩnh vực này mà không tốt trong lĩnh vực khác...

Vì vậy, HS ngay từ lứa tuổi tiểu học cần được học tập và rèn luyện các KNS cơ bản, điều này còn quan trọng hơn đối với các HS KTTT và RLPTK. Các KNS giúp cho HS KTTT và RLPTK có thể cùng chung sống với mọi người và phát triển tốt nhất các khả năng của mình để có thể sống độc lập và hòa nhập với mọi người trong cuộc sống. Muốn làm được điều này, quan trọng là xác định được các biện pháp giáo dục KNS cho HS KTTT và RLPTK. Bài viết nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp giáo dục KNS cho HS KTTT và RLPTK học hòa nhập ở tiểu học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ học hòa nhập tiểu học thông qua tích hợp với các hoạt động dạy học

Dạy học tích hợp đòi hỏi các nội dung học tập trong nhà trường phải được gắn với các tình huống của cuộc sống mà HS KTTT và RLPTK thể hiện các KNS. Với cách hiểu như vậy, dạy học tích hợp phải được thể hiện ở cả nội dung chương trình, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá, hình thức tổ chức dạy học. Để tích hợp mục tiêu giáo dục KNS trong hoạt động dạy học các môn học trong giáo dục hòa nhập HS KTTT và RLPTK cần quan tâm đến tổ chức hoạt động giáo dục các môn học theo tiếp cận KNS. Tiếp cận KNS đề cập quá trình tương tác giữa dạy và học tập trung vào kiến thức, thái độ và kỹ năng cần đạt được để có những hành vi giúp HS KTTT và RLPTK biết cách tương tác với người khác phù hợp, kiểm soát được các hành vi bất thường, tập trung làm thay đổi hành vi.

Phân tích các mục tiêu của hoạt động dạy học trong các môn học để tích hợp mục tiêu của giáo dục KNS. Trong đó, mục tiêu của hoạt động giáo dục các môn học đã được hoạch định trong chương trình hoạt động giáo dục cấp tiểu học. Do vậy, cần phân tích các mục tiêu này, đặc biệt là các mục tiêu cụ thể của từng môn học, bài học để lựa chọn các mục tiêu phù hợp với giáo dục KNS làm cơ sở cho việc tích hợp.

2.2. Biện pháp làm mẫu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ học hòa nhập cấp tiểu học

Làm mẫu những hành vi (lời nói, nét mặt và cử chỉ điệu bộ về những KNS phù hợp) nhằm cung cấp thêm những ví dụ cho HS KTTT và RLPTK bắt chước theo. Người lớn hoặc các bạn học có thể chỉ ra một điều gì đó được làm như thế nào bằng cách miêu tả, qua các đoạn video, qua xem phim, truyện tranh, qua mô hình... giúp HS KTTT và RLPTK quan sát và trải nghiệm.

Giáo viên (GV) và bạn học là những người thể hiện/điển mẫu các thao tác KNS để HS KTTT và RLPTK biết các hành vi, thao tác được thực hiện như thế nào. Các thao tác, hành vi này được xem là các mẫu “hành vi chuẩn”, được mọi người xung quanh và xã hội chấp nhận. Cụ thể:

- *GV hướng dẫn*: Khi các KNS được lên mục tiêu hướng dẫn, GV miêu tả các KNS, trao đổi cùng HS KTTT và RLPTK về tầm quan trọng của việc sử dụng các KNS này trong những tình huống xã hội. GV sử dụng nhiều câu hỏi hoặc những câu gợi ý để giúp HS hiểu tầm quan trọng của việc học kỹ năng này; sau đó, làm mẫu những hành vi thể hiện các KNS phù hợp, cho HS KTTT và RLPTK trải nghiệm và phản hồi đối với các hành vi đã làm mẫu.

Xây dựng và sử dụng các hình thức minh họa cách thể hiện hành động (tranh ảnh, băng hình, truyện tranh, mô hình...). Sử dụng băng hình có thể giúp HS KTTT và RLPTK dễ hiểu hơn về các tình huống và cách thể hiện ngôn ngữ trong hội thoại; đây là phương tiện trực quan rất hữu ích để dạy cho HS KTTT và RLPTK. Sử dụng tranh ảnh, truyện tranh kết hợp với giải thích, hướng dẫn qua các câu hỏi về yêu cầu đối với KNS cụ thể ở các tình huống tương tác bạn bè đa dạng (trong lớp học, trong các trò chơi tập thể, giờ học, giờ ra chơi). Nên sử dụng biện pháp này khi giới thiệu các hành vi, kỹ năng mới cho HS KTTT và RLPTK hoặc củng cố các kiến thức về bối cảnh thực hiện KNS.

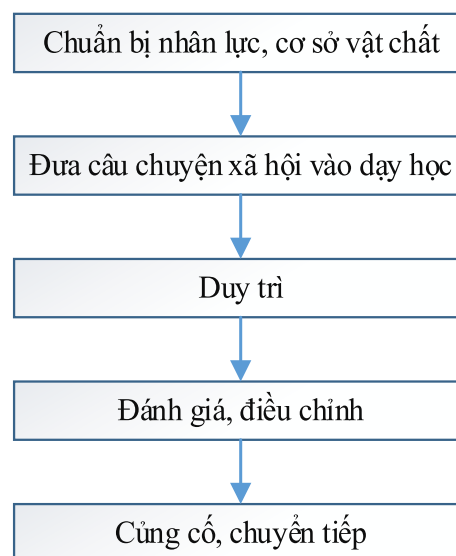
- *Bạn hướng dẫn*: Trong cách luyện tập này, những HS cùng lớp sẽ được chọn để hướng dẫn KNS cho HS KTTT và RLPTK. Những HS được chọn không chỉ dựa trên tiêu chí là thành thực về KNS mà còn dựa trên mối quan hệ bạn bè đã có với HS KTTT và RLPTK. Trước khi bắt đầu hướng dẫn HS cách hỗ trợ HS KTTT và RLPTK học KNS, GV cần chia sẻ với những HS trong nhóm hỗ trợ về mục tiêu cần đạt được; tiếp theo, các HS sẽ cùng nhau lựa chọn những hoạt động xã hội để cùng tham gia, HS KTTT và RLPTK được hướng dẫn thực hiện, có phản hồi tích cực và sử dụng những hành vi xã hội đã được lên mục tiêu.

2.3. Sử dụng câu chuyện xã hội trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ học hòa nhập cấp tiểu học

“Câu chuyện xã hội” là những truyện kể với nội dung để miêu tả tình huống, khái niệm hoặc KNS làm theo một khuôn mẫu. Câu chuyện mô tả các tình huống xã hội, quan điểm của nhân vật, các hành vi xã hội phù hợp và những kết quả đạt được khi thực hiện hành vi xã hội phù hợp. Nhờ đó, câu chuyện xã hội đáp ứng được yêu cầu và cải thiện được các KNS của HS KTTT và RLPTK. GV cần đặc biệt lưu ý khi đưa ra những tình huống xã hội giữa các HS trong lớp hòa nhập với HS KTTT và RLPTK.

Các câu chuyện xã hội được xây dựng dựa trên những tình huống xã hội gần gũi, thường nhật mà HS KTTT và RLPTK thể hiện bối rối, khó chịu khi gặp phải. Do đó, những tình huống xã hội này cần được lặp đi lặp lại nhiều lần trong một khoảng thời gian ngắn (một giờ, một tiết học, một buổi học, một ngày học, một tuần học). Đây chính là điều kiện thuận lợi để HS KTTT và RLPTK có thể thực hành ứng dụng những kỹ năng học được trong câu chuyện xã hội một cách thực tế nhất. Qua đó, GV cũng dễ dàng đánh giá được hiệu quả của câu chuyện tác động đến hành vi, thái độ của HS KTTT và RLPTK.

Sau khi đã xây dựng xong câu chuyện xã hội, việc sử dụng chúng vào rèn luyện KNS cần được thực hiện theo quy trình sau đây (xem sơ đồ 1):



Sơ đồ 1. Quy trình giáo dục KNS thông qua câu chuyện xã hội

- *Bước 1: Chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất*. Chuẩn bị cơ sở vật chất có nhiều yếu tố, quan trọng nhất là lựa chọn địa điểm, bởi nó sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả của câu chuyện xã hội được đưa vào sử dụng. Nếu địa điểm chứa nhiều yếu tố gây nhiễu như: tiếng ồn, ánh sáng mạnh, quá nhiều người sẽ gây ra sự sao lãng, kém tập trung của HS

KTTT và RLPTK. Do đó, lựa chọn địa điểm yên tĩnh, đảm bảo các yếu tố về ánh sáng, độ thông thoáng là cần thiết, tạo điều kiện cho các bước tiếp theo được tiến hành thuận lợi.

Nên tổ chức dạy cho một nhóm HS (khoảng 5-6 HS, gồm cả HS KTTT và RLPTK). Chọn những HS có mối quan hệ thân thiết với nhau và có KNS tốt để làm “tấm gương” cho HS KTTT và RLPTK học theo những hành vi tốt. Hãy để HS nghe, nhìn, sờ, bắt chước (trải nghiệm).

- *Bước 2: Tiến hành đưa câu chuyện xã hội vào dạy học.* Giới thiệu câu chuyện sắp kể như một món quà dành riêng cho HS KTTT và RLPTK. Nếu là dạy cá nhân, vị trí khi ngồi đọc truyện là ngồi bên cạnh HS hoặc ngồi hơi lùi về phía sau lưng của HS, đảm bảo HS KTTT và RLPTK vẫn nghe rõ, nhìn rõ câu chuyện và không bị mất tập trung vào khuôn mặt của GV. Nếu là dạy nhóm, vị trí khi đọc truyện là phía trước mặt HS KTTT và RLPTK và có một thước dài để chỉ tranh và chữ. Truyện kể cần được mô tả lại trên giấy bằng hình ảnh rõ nét, dễ hiểu. GV cần đưa ra lần lượt cho đến hết và cuối cùng là các câu hỏi để cùng tìm hiểu câu chuyện, qua đó HS KTTT và RLPTK hiểu được nội dung cần truyền tải (KNS cần hình thành) để thực hiện đúng trong quá trình học ở lớp, ở trường và áp dụng trong các tình huống xã hội.

- *Bước 3: Duy trì.* Các câu chuyện xã hội dạy KNS cho HS KTTT và RLPTK sẽ được kể một lần trong một ngày và vào một thời gian cố định nhằm chuẩn bị tâm thế, hình thành thói quen tiếp nhận câu chuyện của HS. Thông thường, câu chuyện được kể ngay trước khi KNS cần dạy được thực hiện (ví dụ, đọc câu chuyện về giúp đỡ bạn trước khi HS tham gia một hoạt động nhóm). Trong khi kể chuyện, có thể dừng lại ở một vài chi tiết quan trọng nào đó để kiểm tra phản ứng cũng như sự chú ý của HS KTTT và RLPTK; thường xuyên hỏi HS KTTT và RLPTK về các nhân vật cũng như tình tiết trong câu chuyện.

- *Bước 4: Đánh giá, điều chỉnh.* Hiệu quả của câu chuyện cần được đánh giá thường xuyên và chặt chẽ. Nếu như sau một hoặc hai tuần đưa vào sử dụng, hiệu quả của các câu chuyện xã hội chưa phát huy được hiệu quả thì GV cần xem xét lại mức độ phù hợp của các yếu tố như: số lượng câu, từ, độ dài của các câu chuyện, môi trường, thời gian dạy để từ đó có sự điều chỉnh cho phù hợp.

- *Bước 5: Củng cố, chuyển tiếp.* Khi HS KTTT và RLPTK đã hiểu và thực hiện được đúng hoặc gần đúng như kỹ năng được đề cập trong câu chuyện xã hội, GV cần hướng HS tới việc học kỹ năng mới. Tuy nhiên, GV

vẫn tiếp tục ôn luyện, củng cố kỹ năng cũ, chỉ giảm thời gian sử dụng câu chuyện xã hội đó. Củng cố nhằm tránh trường hợp HS KTTT và RLPTK quên hoặc thực hiện không trọn vẹn KNS đã được học.

2.4. Chia nhỏ nhiệm vụ trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ học hòa nhập cấp tiểu học

Quá trình chia nhỏ nhiệm vụ trong giáo dục KNS cho HS KTTT và RLPTK gồm các bước sau:

- *Bước 1: Xác định các kỹ năng mục tiêu*

+ Sử dụng kết quả đánh giá để xác định mức độ phát triển các kỹ năng của HS KTTT và RLPTK.

+ Xác định các kỹ năng mục tiêu: Là những kỹ năng mà HS cần phải học; nhìn vào kế hoạch giáo dục cá nhân dành cho HS KTTT và RLPTK, GV và cha mẹ có thể dễ dàng xác định những kỹ năng mục tiêu mà HS cần phải học. Một kỹ năng mục tiêu phù hợp nên gồm một chuỗi các bước cụ thể; một kỹ năng cụ thể (quá đơn giản) hoặc một kỹ năng có nhiều kết quả đầu ra (quá phức tạp) không phải là kỹ năng phù hợp để phân tích nhiệm vụ.

- *Bước 2: Xác định các kỹ năng tiên quyết và các học liệu cần thiết*

+ Kỹ năng tiên quyết là những kỹ năng cần phải có để HS thực hiện được kỹ năng mục tiêu. GV hoặc phụ huynh HS nhìn vào bản mô tả mức độ chức năng hiện tại của HS trong kế hoạch giáo dục cá nhân có thể biết được HS đã có những kỹ năng tiên quyết nào đối với từng kỹ năng mục tiêu.

+ Khi xác định được các kỹ năng tiên quyết, GV hoặc phụ huynh HS sẽ quyết định chi tiết các bước cần thiết mà HS KTTT và RLPTK cần học để thực hiện được kỹ năng. Những kỹ năng HS đã thành thạo thì không nên lặp lại trong chuỗi kỹ năng; hoặc nếu một kỹ năng có quá nhiều các kỹ năng tiên quyết cần phải học thì kỹ năng mục tiêu nên được thay đổi.

+ Sau khi xác định được những kỹ năng tiên quyết và những kỹ năng cần phải dạy cho HS KTTT và RLPTK, GV và phụ huynh HS nên xác định những học liệu cần thiết để tiến hành dạy học. Học liệu phụ thuộc vào nhu cầu đặc biệt của HS KTTT và RLPTK cũng như nguồn lực mà nhà trường, lớp học và GV có.

- *Bước 3: Chia kỹ năng thành các bước nhỏ*

GV chia nhiệm vụ thành các bước nhỏ bằng cách: tự mình xây dựng các bước thực hiện kỹ năng đó hoặc quan sát người khác (tốt nhất nên là các bạn cùng lớp với HS để có sự tương đồng trong cách thực hiện kỹ năng giữa HS và các bạn) thực hiện kỹ năng và ghi lại các bước; ghi

lại các bước; sắp xếp các bước nhỏ theo một trật tự logic để tạo thành một chuỗi.

- *Bước 4: Kiểm tra các bước.* Ở bước này, GV cần kiểm tra lại để đảm bảo các bước thực hiện kỹ năng mục tiêu đã đầy đủ, mỗi bước là phù hợp và trẻ có thể thực hiện được. Có thể kiểm tra bằng cách nhờ một người khác thực hiện kỹ năng theo các bước này và nhờ họ cho ý kiến. Hoặc nhờ một trẻ khác thực hiện kỹ năng này để xem có cần bớt hoặc thêm bước nào nữa không.

- *Bước 5: Xác định phương pháp giảng dạy/hướng dẫn*

GV và phụ huynh HS phải xác định phương pháp giảng dạy/hướng dẫn sao cho phù hợp với: Tính cách của HS; phong cách học tập của HS; những cách làm của GV hoặc phụ huynh HS đã làm trước đây; kế hoạch giáo dục cá nhân của HS; môi trường HS sẽ thực hiện nhiệm vụ.

2.5. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỷ học hòa nhập cấp tiểu học qua những tình huống thực tế

Một số KNS cần được dạy cho HS KTTT và RLPTK thông qua những tình huống thực tế, vì tình huống thực tế có thể đảm bảo cả về nhu cầu, về học KNS và hiểu những bối cảnh thực hiện kỹ năng. Thực chất của biện pháp này là dạy HS KTTT và RLPTK các KNS tại đúng thời điểm diễn ra các hoạt động đó.

GV lựa chọn nội dung phù hợp với thời gian hoạt động và học tập HS KTTT và RLPTK tại trường tiểu học, dạy cách thức thực hiện các kỹ năng sống theo từng tình huống thực và sử dụng tình huống để xây dựng các bài tập xử lý tình huống. GV có thể sử dụng các tình huống tình cờ bất gặp để sửa và hướng dẫn cách thực hiện hành động cho HS KTTT và RLPTK; xây dựng các bài tập tình huống để HS KTTT và RLPTK có những lựa chọn giải quyết vấn đề. Tình huống có thể nêu ra dưới nhiều dạng như sau:

- Tình huống từ cách ứng xử: GV đưa ra các tình huống và yêu cầu HS KTTT và RLPTK nhận xét, đánh giá về cách ứng xử của các nhân vật trong tình huống và nêu cách ứng xử phù hợp; trong đó, cho HS KTTT và RLPTK được tham gia trải nghiệm thực tế. Tuy nhiên, cần cung cấp những cơ hội có tính xã hội mà ở đó HS KTTT và RLPTK được an toàn hoặc được phép mắc những lỗi mà không bị người khác chế nhạo.

- Tình huống từ bối cảnh hoạt động: Thông qua những dấu hiệu của bối cảnh môi trường để HS KTTT và RLPTK biết cách thực hiện KNS phù hợp trong những môi trường cụ thể. GV cần lựa chọn KNS cần giáo dục cho HS KTTT và RLPTK, thời điểm tiến

hành giáo dục KNS đó; đồng thời, nhận xét, khen ngợi, khái quát lại cách thực hiện kỹ năng đó cho HS KTTT và RLPTK nhớ.

3. Kết luận

KNS mang lại nhiều lợi ích phát triển cho cá nhân HS KTTT và RLPTK đang học hoà nhập tại các trường tiểu học. Vì vậy, việc trang bị cho các HS này những KNS có thể cần được ưu tiên hơn là trang bị kiến thức văn hoá. Các biện pháp giáo dục KNS có mối quan hệ qua lại với nhau, tồn tại trong một chỉnh thể và bổ trợ lẫn nhau, không thể tách rời, bởi trong từng biện pháp đã chứa đựng những yếu tố của nhau và khi thực hiện biện pháp này thì cũng đồng thời phải sử dụng biện pháp kia. GV dạy hoà nhập cần có nhận thức, thái độ và kỹ năng thực hiện các biện pháp giáo dục KNS cho HS KTTT và RLPTK một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng nhu cầu và khả năng đặc thù của những HS này, giúp các em trang bị cho mình KNS cần thiết để có thể sống độc lập và hòa nhập với cộng đồng xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thanh Bình (2007). *Giáo trình giáo dục năng sống*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học lớp 1*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Thị Hoàng Yến - Đỗ Thị Thảo (2012). *Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] S. Ali - N. Frederickson (2006). *Investigating the evidence base of social stories*. Educational Psychology in Practice, N^o 22, pp. 355-377.
- [5] Bộ GD-ĐT (2006). *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học*. NXB Lao động - Xã hội.
- [6] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2001). *Giáo dục hòa nhập và cộng đồng*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] Radda Barnen (1998). *Giáo dục hòa nhập ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [8] Lê Văn Tạc - Nguyễn Đức Minh - Phạm Minh Mục (2006). *Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [9] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (1999). *Hỏi - đáp về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.